

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua hóa chất xét nghiệm năm 2026
- Tên gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm năm 2026
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất

(8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải nêu đầy đủ ký mã hiệu (mã sản phẩm / model dự thầu), nhãn hiệu (nếu có), năm sản xuất, tên hãng sản xuất và xuất xứ của hàng hóa dự thầu; Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng chủng loại, đủ khối lượng hàng hoá nêu tại Mẫu số 01B - Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Chương IV;

- Hàng hóa dự thầu phải được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam.

- Hàng hóa cung cấp đảm bảo mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.

- Đối với trường hợp nhà thầu không kê khai chi tiết cấu hình, tính năng kỹ thuật tại mẫu số 10B: Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về cấu hình, tính năng và thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu theo Biểu mẫu số 21A – Bảng dữ liệu dự thầu về mặt kỹ thuật (file excel), Biểu mẫu số 21B – Bảng thông tin, tài liệu của hàng hóa dự thầu. Việc xem xét, đánh giá hàng hóa dự thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật căn cứ vào thông tin nhà thầu cung cấp tại Bảng dữ liệu này.

- Nhà thầu cung cấp bản cam kết chung theo mẫu số 21C.

- Nhà thầu cung cấp bảng kê khai thông tin về nhà thầu theo mẫu số 21D.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

YÊU CẦU KỸ THUẬT					
ST T	Mã phần lô	Tên phần lô	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	PP2600001880	Máy phân tích sinh hoá tự động			
1.1			ALBUMIN	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần : - Citrate buffer 95 mmol/L pH 3.8, - Benzoic acid 8 mmol/L, - Bromocresol green (BCG) 0.12 mmol/L Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7	Hộp gồm: R1: 6x60mL
1.2			CHOLESTERO L	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa. Thành phần : - Good's buffer 50 mmol/L, - pH 6.7, cholesterol oxidase ≥ 300 U/L, - cholesterol esterase ≥ 300 U/L, - hydroxybenzoic acid 12 mmol/L, - 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/L, - peroxidase ≥ 10 kU/L, - sodium azide < 0.1% Sản phẩm đạt tiêu	Hộp gồm: R1: 6x60mL

				chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7	
1.3			Creatinine Jaffe	<p>Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa</p> <p>Thành phần :</p> <p>Thuốc thử 1:</p> <p>- picric acid 28.8 mmol/L pH < 2.5</p> <p>Thuốc thử 2:</p> <p>- sodium hydrate 0.4 mol/L pH > 10.0</p> <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7</p>	<p>Hộp gồm:</p> <p>R1:</p> <p>4x60mL</p> <p>R2:</p> <p>1x60mL</p>
1.4			CK- MB	<p>Mục đích: dùng để định lượng CK-MB trong huyết thanh</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ R1: Buffer/NAC.</p> <p>Imidazole buffer ≥ 100 mmol/L pH ≥ 6.7, NAC ≥ 20 mmol/L</p> <p>+ R2: Substrate.</p> <p>Creatine phosphate ≥ 200 mmol/L, glucose ≥ 20 mmol/L, EDTA Na2 ≥ 2 mmol/L, sodium azide ≥ 0.05 g/L.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7</p>	<p>Hộp gồm:</p> <p>R1:</p> <p>1x50mL</p> <p>R2:</p> <p>1x10mL</p>

1.5			HDL-Direct	<p>Dùng trong xét nghiệm HDL Cholesterol</p> <p>Thành phần hóa học:</p> <p>Thuốc thử 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good's buffer 100 mmol/L pH 6.6 - Cholesterol esterase 1400 U/L - Cholesterol oxidase 800 U/L - Catalase 600 kU/L - HDAOS* 0.6 mmol/L <p>*= N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline</p> <p>Thuốc thử 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good's buffer 100 mmol/L pH 7.0 - Peroxidase 3 kU/L - 4-amino-antipyrine 4 mmol/L - Sodium azide < 0.1% <p>Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7</p>	<p>Hộp gồm:</p> <p>R1: 1 x 60 mL - R2: 1 x 20 mL</p>
1.6			LDL-Direct	<p>Dùng trong xét nghiệm LDL-Direct</p> <p>Thành phần hoá học :</p> <p>Thuốc thử 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Good's buffer 50 mmol/L pH 7.0 - Cholesterol esterase 600 U/L - Cholesterol oxidase 500 U/L - Catalase 1200 kU/L - Ascorbate oxidase 3 	<p>Hộp gồm:</p> <p>R1: 1x60mL và R2: 1x20mL</p>

				kU/L - TOOS* 2.0 mmol/L * = N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfo-3-methylpropyl)-3-methylaniline Thuốc thử 2: - Good's buffer 50 mmol/L pH 7.0 - Peroxidase 5 kU/L - 4-amino-antipyrine 4 mmol/L - Sodium azide < 0.1% Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7	
1.7			Control N	Dùng trong xét nghiệm QC 1 Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7	5ml/Lọ
1.8			Control P	Dùng trong xét nghiệm QC 2 Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, xuất xứ thuộc nhóm nước G7	5ml/Lọ
1.9			Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Sắt	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Sắt trong mẫu huyết thanh và huyết tương người, trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động. - Thành phần chính: Acid citric, thiourea, natri ascorbate, chất tẩy, chất bảo quản. - Độ ổn định của hóa	Hộp gồm: 60mL

				chất khi sử dụng trên thiết bị: 6 tuần - Nhiệt độ bảo quản: từ 2°C đến 8°C	
2	PP2600001881	Máy huyết học			
2.1			Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Chức năng: Là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào. - Thành phần: + Muối ổn định isotonic <1.5%; + Thuốc chống vi trùng <0.1%; + Dung dịch đệm <0.3%	20 lít/thùng
2.2			Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. Thành phần: Muối bậc 4 <1.0%; Muối <1.5%.	5 lít/thùng
2.3			Máu chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học 3 thành phần (thấp/ trung bình/ cao)	Chức năng: Là chất chuẩn sử dụng để theo dõi hoạt động của máy phân tích huyết học	3x4.5ml/ bộ.
3	PP2600001882	Máy điện giải (tương thích với máy ISE XI-921C)			
3.1			Hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải đồ 5 thông số	Hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải Thành phần: + A: 650ml Potassium chloride : ≥4.00 mmol/L	Dung dịch A: 650ml, Dung dịch B:350ml

				<p>Sodium chloride: ≥ 94.0 mmol/L</p> <p>Sodium salt: ≥ 46.0 mmol/L</p> <p>Calcium chloride: ≥ 1.00 mmol/L</p> <p>Nước: 99%</p> <p>+ B: 350ml</p> <p>Potassium chloride : ≥ 8.00 mmol/L</p> <p>Sodium chloride: ≥ 58.0 mmol/L</p> <p>Sodium salt: ≥ 52.0 mmol/L</p> <p>Calcium chloride: ≥ 2.00 mmol/L</p> <p>Nước: 99%</p>	
3.2			Vật liệu kiểm soát chất lượng máy phân tích điện giải đồ 5 thông số	<p>-Thành phần:</p> <p>Potassium chloride ≥ 5.0 mmol/L</p> <p>Sodium chloride ≥ 97.4 mmol/L</p> <p>Sodium salt ≥ 47.6 mmol/L</p> <p>Calcium chloride ≥ 1.3 mmol/L</p> <p>Water 99%</p>	Lọ 1 x 100 ml
3.3			Dung dịch rửa hàng ngày trong xét nghiệm điện giải	<p>-Thành phần:</p> <p>Sodium benzoate < 1%</p> <p>Erioglaucine disodium salt < 2%</p> <p>Water 97%</p>	Chai 100ml
3.4			Hóa chất rửa máy hàng ngày trong xét nghiệm điện giải	<p>Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải đồ</p> <p>-Thành phần:</p> <p>Sodium hypochlorite</p>	Chai 100ml

				solution < 1% Water 99%	
4	PP2600001883	Các hoá chất khác			
4.1			Anti - D	- Thuốc thử Anti D kháng thể đơn dòng (IgG + IgM) được dùng để phát hiện nhóm Rho (D) trong mẫu máu người. - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100% - Độ chính xác: 100%	10ml/Lọ
4.2			Dung dịch acid acetic 3%	Dung dịch Acid Acetic 3% để đếm tế bào trong các loại dịch	
4.3			Dung dịch KOH 10%	Màu trắng .không mùi. dạng lỏng dùng để làm vi nấm soi tươi	
4.4			Dung dịch Natricitrat 3,8%	Dung dịch Natricitrat 3.8% dung dịch cầm máu lắng.	
4.5			Dung dịch xanh methylen	Thuốc nhuộm dùng để nhuộm Ziehl neelsen.	
4.6			Dung dịch đỏ Fucsin	Dùng để làm AFB nhuộm Ziehl- neelsen	
4.7			Dung dịch tẩy màu còn acid HCl 3%	Dung dịch chứa acid HCl 3%, Dùng tẩy màu bệnh phẩm trong nhuộm Ziehl Nielsen	
4.8			Dung dịch Giem sa	Thuốc nhuộm hiện xét nghiệm soi nhuộm tế bào máu ngoại vi và tế bào u xơ tủy xương (nhuộm các tế bào bạch cầu, hồng cầu và tiểu cầu trong huyết học) đựng trong chai nâu tối	

				màu làm từ nhựa PP (Polypropylene). Thành phần: Eosin-methylene blue according to Giemsa, Methanol, Glycerol; Phosphate buffer pH 7.2. Cảm quan: + Độ đồng nhất: Đồng nhất về màu sắc, không phân lớp. + Màu sắc: Phù hợp với môi trường.	
4.9			Dung dịch lugol 3%	Dung dịch lugol 3%. Thành phần iodine, kali iodua.	

Mục 2. Bản vẽ: “Không có bản vẽ”

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo E-HSMT hoặc không thích ứng với các thiết bị hiện có thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

